TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/DS-ST
Ngày: 29 - 7 - 2025
V/v: tranh chấp hợp đồng dân sự góp họ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Phượng

2. Ông Trần Trung Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Mùi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Trường hợp không tham gia.

Ngày 29 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2025/TLST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2025 về việc: "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 08/2025/QĐST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lư Nguyệt Á, sinh năm 1973 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Ông Từ Văn H, sinh năm 1975 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số D N, phường R, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1975 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Ông Trần Văn D1. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số D N, phường R, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lư Nguyệt Á và ông Từ Văn H trình bày:

Bà Á, ông H xác nhận bà Á, ông H có cho bà D và ông D1 vay số tiền gốc là 15.000.000 đồng vào năm 2010, hai bên không làm biên nhận, bà D và ông D1 có trả hàng tháng cho ông bà được 11.700.000 đồng, hiện tại còn nợ ông bà số tiền là 3.300.000 đồng. Theo đơn khởi kiện ngày 07/01/2025 thì ông bà có khởi kiện ông D1 và bà D trả số tiền là 25.000.000 đồng, số tiền này là tiền mẹ của ông H tên Trần Thị B (chết năm 2014) cho bà D, ông D1 vay khi còn sống, nay ông H xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay gốc là 25.000.000 đồng.

Nay bà Á yêu cầu bà D, ông D1 trả cho bà Á số tiền vay gốc là 3.300.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất, bà Á yêu cầu trả một lần số tiền trên. Ông H xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay gốc là 25.000.000 đồng.

Theo bản tự khai ngày 14/7/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Nguyễn Thị Thùy D trình bày:

Vào năm 2010, bà D có vay của bà Lư Nguyệt Á và ông Từ Văn H số tiền gốc là 15.000.000 đồng, hai bên không làm biên nhận, lãi suất thoả thuận bằng miệng là 2-3%/tháng, bà D có đóng lãi cho bà Á, ông H được khoảng 5-6 năm thì xin trả gốc, bà Á, ông H đồng ý cho trả gốc nên bà D có trả gốc dần dần cho bà Á và ông H mỗi lần trả gốc và lãi thì không làm biên nhận, chỉ là hai bên tự ghi vào sổ riêng của nhau, bà D trả tới tháng 1/2025 âm lịch thì bà ngưng trả cho bà Á, ông H lý do là phải lo cho con học nên không đủ tiền để trả cho bà Á, ông H, hiện bà D còn nợ bà Á số tiền là 3.300.000 đồng.

Đối với số tiền nợ của bà Trần Thị B (chết năm 2014) thì vợ chồng bà D không vay tiền của bà B nên vợ chồng bà không đồng ý trả tiền cho ông H là người kế thừa của bà B như theo đơn khởi kiện của bà Á, ông H.

Nay vợ chồng bà D thừa nhận còn nợ bà Á, ông H số tiền gốc còn nợ là 3.300.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng là 200.000 đồng cho đến khi hết số tiền nêu trên, còn số tiền của bà B thì vợ chồng bà D không có nợ bà B nên không đồng ý trả. Bà D xác nhận vợ chồng bà đi làm ăn xa, khoảng 01 đến 02 tháng về một lần nên không có điều kiện đi lên Toà án nên bà D xin vắng mặt tại các lần hoà giải, mở phiên họp và phiên toà xét xử, bà D không yêu cầu phản tố và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm.

Bị đơn ông Trần Văn D1: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho ông D1, ông D1 biết việc bà Á, ông H yêu cầu khởi kiện vay tài sản nhưng ông D1 vẫn vắng mặt tại Toà, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông D1 đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa bà Á, ông H, bà D và ông D1 vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà Á và ông H có đơn khởi kiện yêu cầu bà D và ông D1 phải trả cho bà Á, ông H số tiền vay còn nợ, không yêu cầu tính lãi suất, bị đơn bà D và ông D1 có địa chỉ tại số D N, phường R, tỉnh An Giang, do đó theo quy định tại khoản 3, Điều 26, điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. Toà án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản căn cứ theo Điều 463 Bộ luật dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Á, ông H và bị đơn bà D và ông D1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án và Quyết định hoãn phiên toà nhưng các ông, bà vắng mặt tại phiên tòa, riêng bà Á, ông H và bà D có đơn xin xét xử vắng mặt, ông D1 vắng mặt không có lý do chính đáng. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

Về việc rút yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn ông H rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà D, ông D1 trả số tiền vay gốc là 25.000.000 đồng, xét thấy việc rút yêu cầu khởi kiện của ông H là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu trên của nguyên đơn ông H.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Á đối với yêu cầu bà D, ông D1 trả số tiền vay còn nợ là 3.300.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên của bà Á là có cơ sở chấp nhận bởi vì:

Trong quá trình giải quyết vụ án thì bà D cũng thừa nhận vợ chồng bà D có vay của bà Á số tiền vay gốc là 3.300.000 đồng và đồng ý trả số tiền nêu trên cho bà Á, nên căn cứ theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì các bên đương sự không phải chứng minh về số tiền gốc nêu trên nhưng xin trả dần số tiền nêu trên nhưng không được bà Á đồng ý và bà Á yêu cầu bà D, ông D1 trả số nợ trên một lần.

Do đó có căn cứ buộc vợ chồng bà D và ông D1 phải thanh toán số tiền gốc 3.300.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.2] Về lãi suất: Bà Á không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà D, ông D1 phải chịu án phí đối với toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Á được chấp nhận là 300.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 92, 147, 227, 228, 244, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 1, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Từ Văn H yêu cầu giải quyết đối với số tiền là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lư Nguyệt Á.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Trần Văn D1 phải có nghĩa vụ trả cho chị Lư Nguyệt Á số tiền vay gốc là 3.300.00 đồng (Ba triệu, ba trăm nghìn đồng), lãi suất không yêu cầu.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Trần Văn D1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Trả lại cho bà Lư Nguyệt Á và ông Từ Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 625.000 đồng (Sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0014646 ngày 16/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 An Giang).

"Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu

thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014".

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 1 An Giang;
- Phòng THADS khu vực 1 An Giang;
- Phòng KTNV và Thi hành án TA tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Phan Thị Quyên